

**105/2024 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH –
LUỒNG SÀI GÒN – VỮNG TÀU – Độ sâu**

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 206/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 15 tháng 8 năm 2024)

Chèn	Độ sâu	8 ₉	10°43'30.47"N	106°45'00.48"E
		5 ₄	10°43'42.54"N	106°45'02.42"E
		3 ₂	10°43'39.31"N	106°44'59.69"E
		1 ₁	10°43'42.23"N	106°44'59.40"E
	Độ sâu ngập triều	0 ₂	10°43'37.94"N	106°44'57.58"E
Xoá	Độ sâu	0 ₃	10°43'38.24"N	106°44'57.69"E
		3	10°43'40.51"N	106°45'00.26"E
		7 ₂	10°43'30.42"N	106°45'00.26"E
		4 ₇	10°43'43.18"N	106°45'02.79"E
		2	10°43'35.81"N	106°44'56.98"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 3, cập nhật Ngày 15 tháng 8 năm 2024)

Chèn	Độ sâu	3 ₂	10°43'39.31"N	106°44'59.69"E
Xoá	Độ sâu	4 ₇	10°43'43.18"N	106°45'02.79"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS 84)

**105/2024 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – SAI GON –
VUNG TAU CHANNEL – Depth**

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No. 206/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2, updated on August 15th, 2024)

Insert	Depth	8 ₉	10°43'30.47"N	106°45'00.48"E
		5 ₄	10°43'42.54"N	106°45'02.42"E
		3 ₂	10°43'39.31"N	106°44'59.69"E
		1 ₁	10°43'42.23"N	106°44'59.40"E
	Drying height	0 ₂	10°43'37.94"N	106°44'57.58"E
Delete	Depth	0 ₃	10°43'38.24"N	106°44'57.69"E
		3	10°43'40.51"N	106°45'00.26"E
		7 ₂	10°43'30.42"N	106°45'00.26"E

4 ₇	10°43'43.18"N	106°45'02.79"E
2	10°43'35.81"N	106°44'56.98"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 3, updated on August 15th, 2024)

Insert	Depth	3 ₂	10°43'39.31"N	106°44'59.69"E
Delete	Depth	4 ₇	10°43'43.18"N	106°45'02.79"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
